TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung.

2. Ông Nguyễn Hồng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, Thông báo chuyển ngày xét xử số: 506/TB-TA ngày 30/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu T1 kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh T.

Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh T1 là người không quyết đoán nên vợ chồng luôn xảy ra bất hòa; anh T1 còn mâu thuẫn với cha mẹ vợ và ghen tuông vô cớ dẫn đến cuộc sống vợ chồng nhàm chán. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Phước Trang Đ, sinh ngày 09/3/2015; khi ly hôn chị T yêu cầu theo nguyện vọng của con chung; trường hợp con chung muốn ở với chị thì chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra, anh chị không có con chung, con riêng nào khác.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 05/01/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T1 trình bày: Về đăng ký kết hôn, con chung, tài sản, nợ đúng như chị T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T1 thừa nhận trong quá trình chung sống, anh nghi ngờ chị T ngoại tình và có đánh vợ. Anh nhận lỗi và đã xin lỗi nhiều lần nhưng cha mẹ vợ và vợ đều không chấp nhận. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý; tuy nhiên, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Khi ly hôn, con muốn ở với ai thì anh theo nguyện vọng của con; trường hợp con chung muốn ở với anh thì anh nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng; trường hợp con chung muốn ở với chị T thì anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy T: Cho chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước Trang Đ, sinh ngày 09/3/2015 cho chị T, giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 04/01/2012 cho anh T1 để các bên tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi

con, về tài sản chung, nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu T1, cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu T1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong sinh hoạt hằng ngày, anh T1 đã có lời lẽ, hành động không tôn trọng chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 04/01/2012 và cháu Nguyễn Phước Trang Đ, sinh ngày 09/3/2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 và chị T đã thống nhất với nhau về việc nuôi con chung, cụ thể: hiện nay cháu Đ đang ở với chị T, cháu N đã đi theo và ở cùng anh T1 tại tỉnh T. Xét thấy, để ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu, cần giao cháu Đ cho chị T, cháu N cho anh T1 để các bên tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đúng theo nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí tranh chấp về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T. Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước Trang Đ, sinh ngày 09/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 04/01/2012 cho anh Nguyễn Hữu T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T và anh T1 đều có quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004762 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Quảng Thọ (huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Cao Trung Nguyễn Hồng Quang Trần Thị Kim Ngân